**Bài 2: Vẻ đẹp cổ điển**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố: bố cục, vần, nhịp, đối, niêm và luật bằng trắc trong thể thơ Đường luật.

- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV mời một số HS chia sẻ: *Theo em, để lưu giữ những giá trị tinh thần trong nền văn hóa, văn học, chúng ta cần phải làm gì?*

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề, giới thiệu bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS: *+ Đọc phần Giới thiệu bài học, khái quát chủ đề Vẻ đẹp cổ điển.**+ Nêu tên và các thể loại các văn bản đọc và văn bản đọc kết nối chủ đề.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe câu hỏi, đọc phần Giới thiệu bài học và tìm tên các văn bản trong bài 2.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời 2-3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét và bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu giới thiệu bài học**- Chủ đề Vẻ đẹp cổ điển bao gồm các bài thơ Đường luật với vẻ đẹp cổ điển đặc sắc của nền văn học dân tộc.- Tên và thể loại của các văn bản đọc chính và văn bản đọc kết nối chủ đề:+ Thu điếu: thất ngôn bát cú Đường luật+ Thiên trường vãn vọng: thất ngôn tứ tuyệt + Ca Huế trên sông Hương: bút kí. |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được một số yếu tố hình thức của thơ Đường luật: thất ngôn bát cú và tứ tuyệt.

- Nắm được khái niệm và đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng thanh và từ tượng hình.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung tri thức ngữ văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS:*+ Đọc các thông tin về yếu tố trong thơ Đường luật trong phần Tri thức ngữ văn.**+ Nêu đặc điểm về bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối của thể thất ngôn bát cú Đường luật.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đặc điểm** |
| Bố cục |  |
| Niêm |  |
| Luật |  |
| Vần  |  |
| Nhịp |  |
| Đối |  |

*+ Chỉ ra kết cấu của bài thơ tứ tuyệt.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tiến hành suy nghĩ để hoàn thành bài tập.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trình bày phần bài làm của mình.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét các phần trình bày bài làm cũng như câu trả lời của HS, chốt kiến thức.**NV2:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV đưa ra ví dụ và yêu cầu HS phân tích theo những câu hỏi gợi dẫn sau: *+ Nếu theo đúng câu trúc ngữ pháp thông thường, hai câu thơ trên được viết như thế nào?**+ Tác dụng của việc đảo các tính từ lên đầu câu thơ là gì?**+ Từ ví dụ trên, em hãy rút ra khái niệm về biện pháp tu từ này.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV yêu cầu HS trình bày kết quả trước lớp.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. => Ghi lên bảng.**NV3:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS:*+ Đọc phần khái niệm về từ tượng hình và từ tượng thanh (SGK trang 42).**+ Lấy một vài ví dụ về từ tượng hình và từ tượng thanh.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV gọi 2-3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, góp ý và bổ sung ý kiến.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Khám phá Tri thức ngữ văn****1. Thơ Đường luật**- Khái niệm: là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc), gồm hai thể chính:+ Bát cú Đường luật.+ Tứ tuyệt Đường luật.- Các bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hòa thanh, về niêm, đối, vần và nhịp.- Ngôn ngữ: cô đọng, hàm súc, bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình,...***a. Thất ngôn bát cú Đường luật***- Bố cục: 4 cặp câu (đề - thực –luận – kết).- Niêm và luật: bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ.- Vần: chỉ gieo một vần – vần bằng ở chữ cuối các câu 1,2,4,6,8, riêng vần câu 1 linh hoạt.- Nhịp: thường ngắt nhịp 4/3.- Đối: hai câu thực và hai câu luận.***b. Tứ tuyệt Đường luật***- Mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có năm hoặc bảy chữ.- Bố cục: khởi – thừa – chuyển – hợp.- Luật: tương tự quy định ở thể thất ngôn bát cú, không bắt buộc đối.**3. Biện pháp tu từ đảo ngữ*****a. Ví dụ****“Lom khom dưới núi tiều vài chú**Lác đác bên sông, chợ mấy nhà”*(Qua đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan)🡪 nhấn mạnh cho dánh vẻ nhỏ bé, cảnh vật hiu quạnh giữa không gian núi rừng rộng lớn, bao la nơi đèo ngang từ đó làm bật ra tâm trạng cô đơn, cô quanh được giấu kín trong tâm hồn tác giả.***b. Khái niệm***- Đảo ngữ: biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét,...), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói).**3. Từ tượng thanh và từ tượng hình*****a. Từ tượng thanh***- Khái niệm: từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người.- Ví dụ: rào rào, xào xạc, líu lo,...***b. Từ tượng hình***- Khái niệm: từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.- Ví dụ: thướt tha, chót vót, mênh mông,...=> Các từ này có giá trị gợi hình ảnh, âm thanh và có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên cụ thể, sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

**Câu 1:** Theo em, từ tượng thanh, từ tượng hình thường thuộc từ loại nào?

A. Danh từ

B. Tính từ

C. Đại từ

D. Động từ

**Câu 2:** Các từ tượng hình và tượng thanh thường được dùng trong các kiểu bài văn nào?

A. Miêu tả và nghị luận.

B. Tự sự và miêu tả.

C. Nghị luận và biểu cảm.

D. Tự sự và nghị luận.

**Câu 3:** Đọc đoạn văn sau:

Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long song sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.

(Lão Hạc)

Trong các từ sau, từ nào là từ tượng thanh?

A. Xôn xao

B. Chốc chốc

C. Vật vã

D. Mải mốt

**Câu 4:** Từ nào dưới đây không phải là từ tượng hình?

A. Xồng xộc.

B. Xôn xao.

C. Rũ rượi.

D. Xộc xệch.

**Câu 5:** Trong các nhóm từ sau, nhóm nào đã được sắp xếp hợp lí

A. Thong thả, khoan thai, vội vàng, uyển chuyển, róc rách.

B. Vi vu, ngọt ngào, lóng lánh, xa xa, phơi phới.

C. Ha hả, hô hố, hơ hớ, hì hì, khúc khích.

D. Thất thểu, lò dò, chồm hổm, chập chững, rón rén.

- *GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

Đáp án: 1B; 2B; 3A; 4B; 5C

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sưu tầm thơ ở ngoài SGK.

**c. Sản phẩm:** Kết quả sưu tầm của HS ở buổi học tiếp theo.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Sưu tầm 5 bài thơ Đường luật và chép 5 bài thơ tìm được vào vở.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VĂN BẢN 1:**

**Thu điếu (Mùa thu câu cá) – Nguyễn Khuyến**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh thu điển hình cho mùa thu làng cảnh Việt Nam vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- Thấy được tài năng thơ Nôm của Nguyễn Khuyến: nghệ thuật tả cảnh, tả tình, gieo vần, sử dụng từ ngữ,…

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thu điếu.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của bài thơ.

- Năng lực phân tích, bình giảng bài thơ, đọc diễn cảm và phân tích tâm trạng trong thơ trữ tình.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp giáo dục HS về tình yêu thương quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Thiết bị trình chiếu

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV gợi mở vấn đề, cho HS chia sẻ: *Em yêu thích mùa nào trong năm? Liệt kê một số từ ngữ em muốn dùng để miêu tả vẻ đẹp của mùa đó.*

- GV chiếu cho HS quan sát bức tranh và yêu cầu trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì về người trong bức tranh?*



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**

- GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dặt vào bài học mới: *Thu là thơ của đất trời, thơ là thu của lòng người và mùa thu là đề tài quen thuộc của thi nhân từ xưa đên nay. Và nhiều tác giả có những vần thơ nổi tiếng về mùa thu như Tiếng thu (Lưu trọng Lư), Cảm thu, Tiễn thu (Tản Đà), Đây mùa thu tới( Xuân Diệu),… Và hôm nay ta sẽ đến với cảnh thu điển hình của làng cảnh Việt Nam: mùa thu ở Bắc Bộ qua bài Thu điếu (Nguyễn Khuyến).*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm Thu điếu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Thu điếu*.

**c. Sản phẩm:** HS nêu được một số nét về tác giả Thanh Tịnh và thông tin tác phẩm *Thu điếu*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc phần Thông tin tác giả, tác phẩm trong SGK, tóm tắt những ý chính.- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời 2 HS trình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.- GV bổ sung thêm:+ Nguyễn Khuyến là bậc túc nho tài, có cốt cách thanh cao, có lòng yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc.+ Ông được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam”.**NV2:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc văn bản.- GV lưu ý HS theo dõi số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt, nhịp để nắm được yếu tố đặc trưng của thể thơ bát cú Đường luật. - GV đặt câu hỏi: + *Dựa vào phần Đọc, chỉ ra vị trí, đề tài, hoàn cảnh sáng tác và bố cục của bài thơ.**+ Chỉ ra đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú được thể hiện trong bài thơ.**+ Giải thích ý nghĩa nhan đề bài thơ.***Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc bài, chú ý thực hiện những yêu cầu của GV.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời 2 HS trình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung****1. Tác giả**- Nguyễn Khuyến.- Năm sinh – năm mất: 1835 – 1909.- Quê ở xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.- Thơ của ông thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương và ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế.- Ông sáng tác bằng cả chữ Hán và chữ Nôm.**2. Bài thơ Thu điếu**- Vị trí : Bài thơ “Câu cá mùa thu” là một trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.- Đề tài: Viết về đề tài mùa thu – đề tài quen thuộc.- Hoàn cảnh sáng tác: Viết trong thời gian khi Nguyễn khuyến về ở ẩn tại quê nhà.- Bố cục: + Hai câu đề: Quang cảnh mùa thu.+ Hai câu thực: Những chuyển động nhẹ nhàng của mùa thu.+ Hai câu luận: Bầu trời và không gian làng quê..+ Hai câu kết: Tâm trạng của nhà thơ.- Về niêm: Chữ thứ 2 của câu 2 và 3 (chiếc – biếc), câu 4 và câu 5 (vàng – mây), câu 6 và 7 (trúc – gối), câu 1 và câu 8 (thu – đâu) cùng thanh.- Về luật bằng trắc: Bài thơ luật bằng. (Do chữ thứ 2 của câu thứ nhất “thu” thanh bằng).- Nhan đề: Thu điếu có nghĩa là “Câu cá mùa thu”. Việc câu cá là cái cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để nói về mùa thu, để thưởng thức mùa thu. Mùa thu, nhất là mùa thu ở làng quê, vốn đẹp, nhưng mùa thu, cảnh thu ngắm từ vị trí người câu cá, thưởng thức từ tâm trạng người ngồi câu cá, lại có cái đẹp, cái thú riêng. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm thể thơ bát cú Đường luật trong văn bản *Thu điếu* và cảm nhận được tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *thơ Thu điếu.*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Thơ điếu.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS quan sát bài thơ và trả lời câu hỏi:*+ Bức tranh thiên nhiên mùa thu được tái hiện ở những khoảng không gian nào? Nhận xét về trình tự miêu tả những không gian đó?**+ Phân tích các từ ngữ miêu tả hình dáng, màu sắc, âm thanh, chuyển động, …của các sự vật. Từ đó em hãy khái quát những nét đẹp điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời 2 HS trình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.**NV2:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi sau: *Ở hai câu kết, hình ảnh con người hiện lên trong tư thế, trạng thái như thế nào? Qua đó, em cảm nhận được nỗi niềm tâm sự gì của tác giả?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời 2 HS trình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.**NV3:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS: *Em hãy tổng kết về nghệ thuật và nội dung của văn bản.**+ Em hãy cho biết cách gieo vần trong bài thơ có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy cho ta cảm nhận về cảnh thu như thế nào?**+ Em hãy cho biết ý nghĩa của văn bản “Câu cá mùa thu” là gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời 2 HS trình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản****1. Cảnh mùa thu ở vùng quê Bắc Bộ**- Không gian bức tranh thiên nhiên:+ Không gian rộng, sâu của bầu trời đối lập với mặt ao hẹp với ngõ trúc+ Không gian hiu quạnh, tĩnh lặng, thoáng buồn, vắng tiếng, vắng người được thể hiện qua hình ảnh “ngõ trúc quanh co khách vắng teo”. Không gian tĩnh lặng đến độ người câu cá có thể nghe thấy tiếng “cá đâu đớp động dưới chân bèo”.🡪 Cảnh vật được đón nhận từ gần đến cao xa rồi từ cao xa trở lại gần: từ chiếc thuyền câu nhìn mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu 🡪 Điểm nhìn ấy giúp nhà thơ bao quát được toàn cảnh mùa thu, từ bầu trời đến con nước, cảnh vật, cuộc sống ở làng quê vào mùa thu.- Các từ ngữ miêu tả màu sắc, âm thanh, chuyển động,… của các sự vật:+ Màu sắc: “nước trong veo”, “sóng biếc”, “trời xanh ngắt”, “lá vàng”. Tạo nên các điệu xanh: Ao xanh, bờ xanh, sóng xanh, tre xanh, bèo xanh, một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi.+ Âm thanh: “đưa vèo”, “đớp động”. Âm thanh tiếng cá "đớp động dưới chân bèo" đã làm nổi bật khung cảnh tịch mịch của chiếc ao thu. Cảnh vật như luôn luôn quấn quýt với tình người.+ Chuyển động: “sóng” – “hơi gợn tí”, “lá” – “khẽ đưa vèo”, “tầng mây” – “lơ lửng”. Chuyển động rất nhẹ, nói lên sự chăm chú quan sát của tác giả. Nghệ thuật lấy động tả tĩnh đã được sử dụng thành công đem lại hiệu quả cao.- Những nét đẹp điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ được tái hiện trong bài thơ: + Ao thu với làn nước "trong veo", sóng gợn nhẹ.+ Bầu trời cao xanh lồng lộng.+ Không gian yên tĩnh, vắng vẻ. Không gian bức tranh được khuôn gọn trong một chiếc ao.+ Ngõ quanh co vắng vẻ là một hình ảnh rất quen thuộc và đặc trưng của không gian làng quê Bắc bộ.+ Chủ thể trữ tình – người phác hoạ bức tranh đang ngồi trên chiếc thuyền câu để thả câu câu cá.**2. Tâm trạng của nhân vật trữ tình**- Hình ảnh con người hiện lên trong tư thế, trạng thái:+ Một tâm thế nhàn: Tựa gối ôm cần+ Một sự chờ đợi: Lâu chẳng được.+ Một cái chợt tỉnh mơ hồ: Cá đâu đớp động...🡪 Một tâm hồn gắn bó tha thiết với thiên nhiên đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín nhưng không kém phần sâu sắc của tác giả.  Đó là nỗi lòng non nước, nỗi lòng thời thế của nhà nho có lòng tự trọng và lòng yêu quê hương đất nước như Nguyễn Khuyến.**III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- Cách gieo vần đặc biệt: Vần " eo "(tử vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.- Lấy động nói tĩnh- nghệ thuật thơ cổ phương Đông.- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.**2. Nội dung**- Văn bản là một bức tranh đẹp về mùa thu ở làng quê Việt Nam, một không gian thu trong trẻo, thanh sạch và bình yên với những hình ảnh, đường nét xinh xẻo. Đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước cùng tâm trạng đau xót của tác giả trước thời thế. |

**Hoạt động 3: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn phân tích câu thơ trong bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích hai câu thơ khiến em có ấn tượng nhất trong bài thơ Thu điếu.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

|  |
| --- |
| **\*Đoạn văn mẫu:**Nguyễn Khuyến vừa là nhà thơ trào phúng vừa là nhà thơ trữ tình, nhuốm đậm tư tưởng Lão Trang và triết lí Đông phương. Thơ chữ Hán của ông hầu hết là thơ trữ tình. Có thể nói cả trên hai lĩnh vực, Nguyễn Khuyến đều thành công. Thu điếu được trích từ chùm thơ thu gồm ba bài: Thu điếu, thu vịnh. Cả ba thi phẩm đều được viết bằng từ chương, bút pháp thi trung hữu họa, lấy động tả tĩnh của văn học trung đại, nhưng vẫn mang đậm dấu ấn riêng của một trong những bậc thầy thơ Nôm đường luật xuất sắc. Cảnh vật được đón nhận từ gần đến cao xa rồi từ cao xa trờ lại gần. Từ điểm nhìn của một người ngồi chiếc thuyền nhìn ra mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ vắng rồi lại trở người về với ao thu, nhà thơ đã quan sát không gian, cảnh sắc thu theo người lương thật sinh động.*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo**Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*Nguyễn Khuyến đã chọn những chi tiết rất tiêu biểu cho mùa thu xứ Bắc (ao thu, gió thu, trời thu). Ao thu là thứ ao rất riêng chỉ mùa thu mới xuất hiện. Nguyễn Khuyến đã ghi nhận được hai đặc trưng của ao thu là lạnh lẽo và trong veo – ao lạnh nước yên, trong đến tận đáy. Ao là nét thường gặp trong thơ Nguyễn Khuyến, nói đến ao là gợi đến một cái gì rất gần gũi, thân quen, tâm hồn Nguyễn Khuyến là thế: thân mật, bình dị, chân thành với hồn quê. Trời thu trong xanh cũng là hình quen thuộc trong thơ Nguyễn Khuyến. Bầu trời thu xanh ngắt xưa nay vẫn là biểu tượng đẹp của mùa thu. Những án mây không trôi nổi bay khắp bầu trời mà lơ lửng. Xanh ngắt trong thơ Nguyễn Khuyến là xanh trong, tinh khiết đến tuyệt đối, không hề pha lẫn, không hề gợn tạp. Đường nét chuyển động nhẹ nhàng, mảnh mai, tinh tế: hơi gợn tí, khẽ đưa vèo, mây lơ lửng, đường bao thanh mảnh của rặng trúc, đường gợn của lượn sóng ao thu. Cảnh vật toát lên sự hài hòa, xứng hợp: Ao nhỏ – thuyền bé; gió nhẹ – sóng gợn; trời xanh – nước trong; khách vắng teo – chủ thể trầm ngâm tĩnh lặng.  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Thu điếu* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết câu trả lời vào vở.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Bài thơ Thu điếu được Nguyễn Khuyến sáng tác trong thời gian nào?

A. Khi tác giả đang làm quan.

B. Khi tác giả về ở ẩn tại quê nhà.

C. Khi tác giả đi câu cá.

D. Khi tác giả đi thắng cảnh.

**Câu 2:** Bài thơ Thu điếu được viết bằng chữ gì?

A. Chữ Hán

B. Chữ Nôm

C. Chữ Quốc ngữ

D. Chữ viết khác

**Câu 3:** Cảnh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài Thu điếu là vùng nào?

A. Đồng bằng Trung Bộ

B. Đồng bằng Bắc Bộ

C. Đồng bằng Nam Bộ

D. Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 4:** Đáp án **không phải** giá trị nội dung của bài Thu điếu?

A. Thu điếu bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của Nguyễn Khuyến.

B. Thu điếu viết về cảnh sắc mùa thu ở Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Bài thơ bộc lộ tâm trạng thế thời và tài thơ Nôm của tác giả.

D. Bài thơ châm biếm, đả kích bọn thực dân xâm lược.

**Câu 5:** Tác dụng của cách gieo vần “eo”:

A. Góp phần diễn tả không gian bao la, rộng lớn

B. Góp phần diễn tả không gian gần gũi

C. Góp phần diễn tả không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng uẩn khúc của thi nhân

D. Tất cả các đáp án trên đều sai

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

Đáp án: 1B; 2B; 3B; 4D; 5C

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Thu điếu* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Nêu một vài cảm nhận của em về hình ảnh mùa thu sau khi học bài thơ Thu điếu của Nguyễn Khuyến.*

- GV hướng dẫn HS:

+ Quang cảnh mùa thu êm đềm được gợi mở ra

+ Bức tranh mùa thu làng quê bình dị

+ Cảnh thu đẹp nhưng đượm buồn

+ Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong không gian thu tĩnh lặng đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết đoạn văn.

- GV mời 2- 3 HS trình bày đoạn văn của mình.

- GV nhận xét, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp. Chấm điểm cho bài văn đạt yêu cầu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành tiếng Việt trang 42**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được đặc điểm của từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Phân tích và chỉ ra tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Biết cách xác định từ tượng hình, từ tượng thanh trong văn bản.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực vận dụng sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh trong nói và viết.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực xác định, phân tích tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS có thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức vận dụng kiến thức.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập: *Trong những từ sau đây, những từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật? Từ nào mô phỏng âm thanh?*

*móm mém, xồng xọc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, hu hu, ư ử*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong thơ văn và cuộc sống, người ta thường sử dụng từ tượng thanh, tượng hình để tăng tính biểu cảm cho lời nói, bài viết. Vậy từ tượng thanh, từ tượng hình là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về từ tượng thanh, từ tượng hình**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định và phân tích tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc phần ví dụ SGK, trang 42:*(1) Trong làn nắng ửng, khói mơ tan**Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.**(2) Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội**Những phố dài xao xác hơi may.*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Qua các ví du, em hiểu thế nào là từ tượng hình? Thế nào là từ tượng thanh? Hãy tìm thêm những ví dụ thực tế cuộc sống hay trong văn học có sử dụng những từ ngữ này.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | - Từ tượng thanh: mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người.- Từ tượng hình: gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về tiếng việt về từ tượng thanh, từ tượng hình

**b. Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, làm bài tập 1,2 trang 42*

*+ Nhóm 1, 2: bài 1 + Nhóm 3,4: bài 2*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Đáp án:***

**Bài 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| Từ tượng hình | Từ tượng thanh |
| Lạnh lẽo, tẻo teo, quanh co, vắt vẻo, rõ rệt, phập phồng. | Líu lo, lích chích. |

**Bài 2:**

a. Từ tượng hình: le te, lập lòe, phất phơ, lóng lánh.

Tác dụng: “Le te” cho thấy là lụp xụp và chẳng còn lành lặn. Tiếp đến ngõ tối và đêm sâu là cảnh bình thường nhưng ánh lửa đom đóm “lập lòe” lúc tối, lúc sáng làm cho ngõ tối và đêm sâu cũng biến dạng. Sương thu lớt phớt như làn khói mỏng phủ lên bờ giậu “phất phơ”, khiến cho rặng cây cũng nhạt bớt màu đêm. Bóng trăng trên mặt nước lúc dồn lại, lúc loe ra, biến dạng liên tiếp “lóng lánh”. Các từ tượng hình gợi khung cảnh mùa thu làng quê với tình thu man mác, dào dạt,…

b.

- Từ tượng hình: lơ lửng, lững thững

- Từ tượng thanh: véo von, ồn ào

Tác dụng: Từ “lơ lửng” gợi hình ảnh nắng hồng đang lên, từ “véo von” gợi tả âm thanh tiếng chim, từ “ồn ào” gợi tả âm thanh của cảnh làng quê buổi sáng, từ “lững thững” gợi dáng hình những người nông dân bước đi vào buổi sáng. Các từ tượng hình, tượng thanh ấy gợi tả một khung cảnh làng quê sáng sớm đẹp, yên bình.

**NV2:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi: Bài tập 3* – SGK trang 43.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất đọc câu trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Đáp án:***

a.

- Từ tượng hình: li ti

- Từ tượng thanh: lao xao, vù vù, líu ríu

b.

- Từ “li ti” gợi hình ảnh những chấm trắng trên bộ lông của con chim manh manh, gợi khung cảnh đẹp và phong phú của đất rừng phương Nam.

- Từ “lao xao” gợi âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của gió trong không gian im vắng, tĩnh lặng của núi rừng phương Nam.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hãy liên tưởng ra các từ tượng hình, tượng thanh mà em có thể thấy được trong bức tranh sau:



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS giơ tay nhanh nhất để trả lời và có tính điểm.

Đáp án:

+ rì rào, lao xao, róc rách,...

+ mênh mông,...

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp về bài tập.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Văn bản 2:**

**Thiên Trường vãn vọng (Trần Nhân Tông)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật bằng trắc) trong bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê trong buổi hoàng hôn, từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - một vị hoàng đế - thi nhân.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thiên Trường vãn vọng.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS biết ơn và thể hiện lòng tự hào về các thế hệ trước, biết trân trọng, giữ gìn di sản văn hóa mà ông cha để lại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “*Ai thông minh nhất*”: GV đưa ra 5 thông tin liên quan tới địa danh Thiên Trường, mời HS lắng nghe. GV lần lượt liệt kê từng thông tin, HS nào trả lời nhanh nhất sẽ dành chiến thắng.

1. Một tỉnh phía Bắc có số người theo đạo đông nhất Việt Nam.

2. Nơi đây là quê gốc của các vua thời nhà Trần của nước ta.

3. Thời nhà Lý, nơi đây có tên gọi là Hải Thanh.

4. Khu di tích này rộng tới hàng chục héc ta.

5.Thường được tổ chức Hội hằng năm diễn ra từ ngày 15 – 20 tháng 8 Âm lịch hàng năm.

=> Địa danh Thiên Trường (Đền Trần phủ Thiên Trường).

- GV chiếu một số hình ảnh cho HS quan sát về địa danh này.







- GV mời HS chia sẻ những hiểu biết về địa danh đó.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *Bài học hôm nay chúng ta sẽ học tác phẩm thơ của một vị vua yêu nước, có công lớn trong công cuộc chống ngoại xâm, đồng thời cũng là nhà văn hóa, nhà thơ tiêu biểu của đời Trần và liên quan đến địa danh Thiên Trường.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại thơ Tứ tuyệt Đường luật và văn bản Thiên Trường vãn vọng.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm và đọc văn bản.- GV đưa ra nhiệm vụ:*+ Nêu những thông tin quan trọng về vị vua này em biết thông qua thông tin trong SGK và tìm hiểu các nguồn tài liệu.**+ Nêu hoàn cảnh sáng tác và thể thơ.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, chốt lại kiến thức.**NV2:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS đọc văn bản.- GV giải thích từ khó (chú thích SGK)- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau:*+ Văn bản gồm mấy phần? Nội dung của từng phần là gì?**+ Nêu chủ đề bài thơ.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.=> Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung****1. Tác giả**- Trần Nhân Tông (1258 – 1308).- Tên thật là Trần Khâm, con trưởng của Trần Thánh Tông.- Ông là vị vua yêu nước, anh hùng, nhân ái, có công lớn trong hai cuộc kháng chiến giặc Mông – Nguyên.- Là vị tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm Yên Tử, một nhà thơ tiêu biểu đời Trần.- Thơ của ông tràn đầy cảm hứng yêu nước và hào khí Đông A.**2. Tác phẩm**- Bài thơ được sáng tác khi ông về thăm quê cũ ở Thiên Trường (Nam Định).- Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt.**3. Đọc văn bản**- Bố cục: 2 phần+ Hai câu đầu: Cảnh buổi chiều ở phủ Thiên Trường.+ Hai câu cuối: Cảnh sắc và con người chan hòa ở các làng quê Việt Nam.- Chủ đề: cảnh tượng một vùng quê thanh bình, yên ấm, trầm lặng mà không đìu hiu. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi: *Cảnh vật ở hai câu thơ đầu được tái hiện vào khoảng thời gian nào? Chỉ ra mối liên hệ giữa thời gian và các hình ảnh được miêu tả.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**NV2:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tiếp tục cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi:*+ Những hình ảnh ở hai câu thơ cuối đã gợi lên một bức tranh cuộc sống như thế nào? Những hình ảnh ấy gợi cho em cảm nhận gì về con người và cảnh vật?**+ Qua đó em cảm nhận thấy bóng dáng đất nước Đại Việt những năm cuối thế kỉ XIII ra sao?**+ Theo em, qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống được tái hiện trong bài thơ, tác giả đã bộc lộ cảm xúc, tâm trạng gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**NV3:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV đặt câu hỏi: *Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II.Tìm hiểu chi tiết****1. Hai câu đầu: tả cảnh buổi chiều ở phủ Thiên Trường**- Cảnh vật được tái hiện vào buổi hoàng hôn.- Mối liên hệ giữa thời gian và các hình ảnh:+ Khung cảnh đặc trưng của buổi chiều muộn nơi làng quê: trước thôn, sau thôn “mờ mờ như khói phủ”. “Khói” (làn sương mỏng nhẹ buông xuống lúc hoàng hôn, hoặc sương pha cùng khói lam chiều lan tỏa ra từ những mái rạ trong thôn).+ Cảnh hoàng hôn mờ ảo, nơi thì nắng nhạt dần, nơi thì nắng đã tắt khiến cho bóng chiếu bảng lảng “nửa như có, nửa như không”🡪 thời gian vô hình đã được “hữu hình hóa” qua sự biến đổi tinh tế của cảnh vật.**2. Hai câu 3, 4: Cảnh sắc và con người chan hòa ở các làng quê Việt Nam**- Bức tranh cuộc sống:+ Tiếng sáo mục đồng, hình ảnh trẻ chăn trâu “lùa trâu về hết”: âm thanh trong trẻo, hồn nhiên, hình ảnh quen thuộc gợi thời gian của buổi hoàng hôn, không gian thanh tĩnh – khi mọi hoạt động lắng xuống, con người và loài vật đều tìm về nơi sum vầy, nghỉ ngơi,...+ Từng đôi cò trắng đậu xuống cánh đồng: hình ảnh gần gũi, thân quen nơi những cánh đồng quê Bắc Bộ, gợi nhịp sống đời thường bình yên, ấm áp.🡪 Cảnh sắc và con người chan hoà với nhau, tất cả đều dân dã, bình dị, quen thuộc, thanh bình, no ấm. Tình quê và hồn quê chan hoà, dào dạt.=> Bóng dáng đất nước Đại Việt những năm cuối thế kỷ XIII: Đất nước thanh bình, nhân dân yên ổn.- Bài thơ phác hoạ nên cảnh chiều ở thôn quê đơn sơ nhưng vẫn đậm đà sắc quê, hồn quê. Điều đó chứng tỏ tác giả là một vị vua có địa vị tối cao nhưng vẫn có tâm hồn thanh cao, giản dị, gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã - một điều không dễ gì có được.**III. Tổng kết****1. Nội dung**- Cảnh chiều ở thôn quê yên bình.- Sự gắn bó máu thịt với quê hương dân dã và tâm hồn nghệ sĩ của một vị vua.**2. Nghệ thuật**- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, cô động.- Sử dụng bút pháp chấm phản ánh. |

**Hoạt động 3: Viết kết nối và đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn nêu cảm nhận của bản thân về nhan đề hoặc một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày cảm nhận của em về nhan đề hoặc một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ Thiên Trường vãn vọng.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**Bước 3: Trao đổi, báo cáo sản phẩm**

- HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét,…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

- GV nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

|  |
| --- |
| ***\*Đoạn văn mẫu:***Bài thơ Thiên trường vãn vọng là bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp về làng quê trong buổi chiều tà. Mở đầu bài thơ là không gian mở ảo của làng quê, cảnh vật đang nhạt nhòa dần trong sương khói và bóng chiều mập mờ như nửa có nửa không. Hoàng hôn luôn là thời điểm khơi gợi cho ta nhiều cảm xúc, đó là cảm giác bình yên, thư thái trong tâm hồn; hai tiếng “man mác” như gợi ra nỗi niềm tâm trạng đó ở thi nhân, bởi rất lâu người xa quê nay mới có dịp trở về. Và trong bức tranh thôn quê yên bình ấy, bỗng xuất hiện thanh âm tiếng sáo trong trẻo, bay bổng của chú bé mục đồng đang ngồi vắt vẻo lưng trâu trên con đường về thôn xóm. Tiếng sáo ấy thật bình yên, vui tươi trong khung cảnh chiều muộn. Thời điểm chiều tà cũng là lúc mọi người kết thúc công việc, trở về sum họp vui vẻ bên gia đình. Thiên nhiên, động vật và con người cùng giao hòa trong nhịp sống nhịp nhàng giữa đất trời bao la. Phía xa xa, “từng đôi” cò trắng liệng xuống cánh đồng, gợi nên một cuộc sống bình dị, hữu tình nơi thôn quê. Bức tranh ấy là những màu sắc giao hòa, những thanh âm trong trẻo gợi ra nét thanh bình những cũng vui tươi và đầy sức sống. Chỉ bằng vài ba nét vẽ chọn lọc, lối tả ít gợi nhiều, thi sĩ đã vẽ lên một không gian về cảnh sắc làng quê nên thơ, trữ tình. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Cảnh tượng được miêu tả trong bài thơ trong bài thơ như thế nào?

A. Rực rỡ và diễm lệ

B. Hùng vĩ và tươi tắn

C. Huyền ảo và thanh bình

D. U ám và buồn bã

**Câu 2:** Tác giả bài thơ là người như thế nào?

A. Một vị vua anh minh, sáng suốt

B. Một vị vua biết chăm lo đến đời sống của tướng sĩ

C. Một vị vua nhân từ, yêu thương muôn dân

D. Một vị vua gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã

**Câu 3:** Bài thơ được viết theo luật và vần gì?

A. Luật trắc và vần bằng

B. Luật bằng và vần trắc

C. Luật trắc và vần trắc

D. Luật bằng và vần bằng

**Câu 4:** Quang cảnh làng quê được gợi lên ở câu thơ thứ hai qua từ “bán vô bán hữu”?

A. Bức tranh làng quê thanh bình, yên ả.

B. Bức tranh làng quê tràn đầy sức sống, tươi mới

C. Cảnh vật buổi chiều hiện lên nửa thực, nửa ảo tạo nên khung cảnh nên thơ.

D. Khung cảnh buổi chiều trên làng quê thần tiên, kì diệu như chốn bồng lai tiên cảnh.

**Câu 5:** Bài thơ miêu tả cảnh vật vào thời điểm nào trong ngày?

A. Cảnh đêm

B. Cảnh buổi sớm

C. Cảnh chiều

D. Cảnh trưa

- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Đáp án: 1C; 2D; 3A; 4C; 5C

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy sưu tầm thêm các bài thơ khác của vua Trần Nhân Tông về chủ đề tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sưu tầm.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành Tiếng việt trang 45**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ.

- Xác định, phân tích và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ để vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực vận dụng sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong viết.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực xác định, phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định biện pháp tu từ đảo ngữ.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS có thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức vận dụng kiến thức.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập: *Trong hai câu sau:*

 *- Một thế giới ban trắng trời, trắng núi.*

*- Trắng trời, trắng núi một thế giới ban.*

*So sánh cách biểu đạt, vị trí của các bộ phận chính của hai câu.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Như vậy, trong tiếng Việt, để nhấn mạnh, làm nổi bật nội dung cần biểu đạt, ý nghĩa của câu văn, câu thơ, người ta có biện pháp tu từ đảo ngữ. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về biện pháp tu từ đảo ngữ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc phần định nghĩa về biện pháp tu từ đảo ngữ trong mục Tri thức ngữ văn (SGK trang 40) và đọc ví dụ trong phần Nhận biết đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đải ngữ (SGK trang 45).- GV yêu cầu HS quan sát ngữ liệt (SGK trang 45) và trả lời câu hỏi:*Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu**Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.**Hãy chỉ ra các cụm từ có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng dụng của biện pháp đó trong mỗi câu thơ.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Phân tích ngữ liệu**- *Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu**Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.*+ thăm thẳm rừng sâu: nhấn mạnh không gian hoang vắng, nguyên sơ của rừng già.+ bập bùng hoa chuối+ trắng màu hoa ban🡪 làm nổi bật màu đỏ của những màu hoa chuối rừng như ngọn lửa giữa ngàn xanh và không gian tràn ngập sắc trắng của hoa ban.**2. Khái niệm**- Biện pháp tu từ đảo ngữ: thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét,…), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về tiếng việt về từ tượng thanh, từ tượng hình

**b. Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm bài tập 1 trang 45

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Đáp án:***

a. lặn lội thân cò, eo sèo mặt nước.

b. xanh mát bóng cây, trắng cánh buồm bay.

c. sấp ngửa, chị chạy vào cống, vội vàng chị vào trong nhà.

**NV2:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm bài tập 2 trang 45

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Đáp án:***

a. Cả bốn câu thơ đều sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ.

b.

- Câu 1: Theo trật tự ngữ pháp thông thường của tiếng Việt, từ “lom khom” đặt sau cụm từ “tiểu vài chú” và từ “tiểu” đặt sau “vài chú”. Tuy nhiên, ở đây tác giả đã đảo vị trí lên trước, tác dụng nhấn mạnh tư thế, hình dáng nhỏ bé của con người, từ đó làm nổi bật lên khung cảnh hùng vĩ, hiểm trở của Đèo Ngang.

- Câu 2: Theo trật tự ngữ pháp thông thường của tiếng Việt, từ “lác đác” đặt sau cụm từ “chợ mấy nhà” và từ “chợ” đặt sau từ “mấy nhà”. Tuy nhiên, ở đây tác giả đã đảo vị trí lên đầu, tác dụng nhấn mạnh số lượng ít ỏi và sự thưa thớt của những ngôi nhà, từ đó gợi không khí vắng vẻ, hoang sơ của núi rừng.

- Câu 3,4: từ “nhớ nước”, “đau lòng”, “thương nhà”, “mỏi miệng” được đảo vị trí, tác dụng thể hiện nỗi niềm hoài cổ - nhớ tiếc quá khứ vàng son đã trôi qua và tâm trạng hoài hương – nhớ gia đình, quê hương.

**NV3:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm bài tập 3 trang 45

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Đáp án:***

a. Nhấn mạnh khung cảnh chạy giặc. Những đứa trẻ phải bỏ nhà, chạy lơ xơ. Bầy chim bị mất ổ dáo dác bay. Một khung cảnh hỗn loại, xơ xác, tan thương.

b. Nhấn mạnh bức tranh thiên nhiên Gò Me sinh động, tươi mát, tràn ngập sức sống với thiên nhiên trù phú, và sự bình yên, thư thả với các hình ảnh bình dị.

c. Nhấn mạnh cảnh ồn ào, tấp nập trên bến khi đón thuyền về và niềm vui trước những thành quả lao động, gợi ra một sức sống, nhịp sống náo nhiệt.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm bài tập: Em hãy viết 3 câu văn có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và viết bài.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS giơ tay nhanh nhất để trả lời và có tính điểm.

***Ví dụ:***

- Tấp nập trên đường những chuyến xe qua.

- Sực nức mùi hương hoa lan tỏa trong đêm vắng.

- Ngoài vườn, rộn rã tiếng chim kêu trong vườn.

-....

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp về bài tập.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Văn bản 3:**

**Ca Huế trên sông Hương (Hà Ánh Minh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu giá trị của một sản phẩm văn hóa truyền thống được ông cha sáng tạo, giữ gìn và truyền lại.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của con người xứ Huế, văn hóa Huế.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ca Huế trên sông Hương.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS có thái độ và hành động tích cực góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hóa dân tộc đặc sắc và độc đáo này.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV trình chiếu cho HS quan sát video ngắn giới thiệu về ca Huế.

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=ivIwXhZQaKo>

- GV mời HS chia sẻ những hiểu biết về Huế, văn hóa Huế.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *Như vậy, các em đã có những tìm hiểu thú vị về Huế với cái nhìn Huế đẹp, Huế mơ, Huế nên thơ và Huế nên cả nhạc nữa. Vì thế những khúc hát Nam ai, Nam bình lắng trong vui buồn, nặng ân tình nước non của ca Huế có lẽ đã đang và sẽ là điều thú vị nhất mà ai cũng mơ ước đến Huế để thưởng thức. Bài học hôm nay cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu ca Huế nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại bút kí và văn bản Ca Huế trên sông Hương.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS cách đọc (giọng đọc chậm rãi, rõ ràng, mạch lạc, lưu ý những câu đặc biệt, câu rút gọn).- GV đọc mẫu, sau đó yêu cầu HS đọc thành tiếng một vài đoạn quan trọng và trả lời câu hỏi:*+ Nêu những hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm.**+ Văn bản thuộc thể loại nào? Có thể chia bố cục thành mấy phần? Nội dung của từng phần là gì?**+ Chủ đề của văn bản là gì?**+ Em hiểu thế nào là ca Huế?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung****1. Tác giả**- Hà Ánh Minh (16/5/1985) quê tại thành phố Hồ Chí Minh.- Là nhà văn, nhà báo có nhiều bài tùy bút đặc sắc.**2. Tác phẩm**- Xuất xứ: được đăng trên báo “Người Hà Nội”.- Thể loại: bút kí- Bố cục: 2 phần+ Phần 1 (từ đầu đến…lí hoài nam): giới thiệu về các điệu hò, điệu lí làm nên sự độc đáo của những làn điệu dân ca Huế.+ Phần 2 (phần còn lại): những đặc sắc của ca Huế và sơ lược về cách biểu diễn, cách thưởng thức ca Huế trên sông Hương.- Ca Huế: là dân ca Huế nói riêng và vùng Thừa Thiên Huế nói chung, một thể loại âm nhạc cổ truyền của cố đô. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, và trả lời câu hỏi:*+ Hãy liệt kê những làn điệu dân ca Huế.**+ Kể tên các nhạc cụ biểu diễn.**+ Em có nhận xét gì về các làn điệu dân ca và nhạc cụ xứ Huế? Các điệu hò xứ Huế gắn bó như thế nào với cuộc sống con người nơi đây?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.- GV nhận xét: Huế là mảnh đất, là cái nôi sinh ra những làn điệu dân ca (điệu ca, nhạc cụ, các ngón đàn)… Các làn điệu phong phú và đa dạng, sâu sắc, chan chứa tình cảm.**NV2:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*+ Chỉ ra một số đặc điểm tiêu biểu của ca Huế (nguồn gốc, đặc trưng của các làn điệu)?**+ Khi biểu diễn các ca nhi, ca công ăn mặc như thế nào, biểu diễn ra sao?**+ Cách thưởng thức ca Huế có điểm gì độc đáo (thời gian, không gian thưởng thức)?**+ Em hãy nhận xét tình cảm tác giả dành cho ca Huế, xứ Huế.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời từng câu hỏi.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.**NV3:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS tổng kết lại nội dung và nghệ thuật của văn bản:*+ Thành công nghệ thuật của văn bản là gì?**+ Nêu nội dung chính của văn bản.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời từng câu hỏi.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Sự phong phú và đa dạng của nghệ thuật ca Huế**- Các làn điệu dân ca Huế:+ Các điệu hò: đánh cá, cấy trồng, đưa linh, chèo cạn, bài thai, giã gạo, bài chòi, bài tiệm, nàng vung, hò lơ, hò ô, xay lúa...+ Các điệu lí: con sáo, hoài xuân, hoài nam...+ Các điệu nam: nam ai, nam bình, nam xuân, quả phụ, tương tư khúc, hành vân...- Các nhạc cụ biểu diễn: Đàn tranh, nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam, đàn bầu, sáo, cặp sanh,…🡪 Ca Huế phong phú, giàu bản sắc, các nhạc cụ phong phú, đa dạng nhiều chủng loại khác nhau điều đó tạo nên sức hấp dẫn rất riêng của dân ca xứ Huế.- Các điệu hò xứ Huế gắn bó với cuộc sống con người khi đánh cá trên sông ngòi, biển cả, hò lúc cấy cày, gặt hái, trồng cây, chăn tằm. - Từ ngữ địa phương được sử dụng nhuần nhuyễn và phổ biến nhất là các câu hò đối đáp tri thức.🡪 sự ảnh hưởng của ca Huế được hình thành, nuôi dưỡng từ cuộc sống sinh hoạt, lao động của nhân dân.**2. Những đặc sắc của ca Huế trên sông Hương*****a. Đặc điểm nổi bật của một số làn điệu dân ca Huế***- Nguồn gốc: bắt nguồn từ nhạc dân gian và nhạc cung đình 🡪 các điệu ca Huế được nhắc tới trong bài văn vừa sôi nổi, vui tươi, vừa trang trọng uy nghi do bắt nguồn từ hai dòng nhạc dân gian và nhạc cung đình.- Đặc trưng của các làn điệu:+ Các điệu lí, hò: Từ ngữ địa phương dùng nhuần nhuyễn và phổ biến, ngôn ngữ thể hiện tài ba, phong phú, có điệu hò buồn bã, có điệu náo nức, nồng hậu…thể hiện lòng khát khao, chờ mong. Hoài vọng tha thiết của tâm hồn Huế. + Các bản đánh đàn đơn hay song tấu, hòa tấu: du dương, trầm bổng, réo rắt, lúc khoan, lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.+ Các khúc điệu Nam: Buồn man mác, thương cảm, bi ai, vương vấn, có khi lại không vui, không buồn,…+ Thể điệu ca Huế sôi nổi, vui tươi, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán...; lời ca thong thả, trang trọng, trong sáng, gợi lên tình người, tình đất nước trai hiền, gái lịch...khiến cho không gian như lắng đọng, thời gian như ngừng trôi.***b. Nghệ thuật biểu diễn, cách hát và chơi của các ca nhi và ca công***- Trang phục:+ Nam mặc áo dài the, quần thụng, khăn xếp.+ Nữ mặc áo dài, khắn đóng duyên dáng.- Cách biểu diễn:+ Cất lên những khúc điệu Nam.+ Tiếng đàn hoà tiếng hát réo rắt, du dương, bay bổng, vương vấn đêm trăng khuya, trên mênh mông dòng sông thơ mộng.+ Nhạc công: Dùng các ngón đàn trau chuốt, ngón nhấn, vả, mổ, day, bấm, chớp, búng, ngón phi, rãi. ***c. Cách thưởng thức ca Huế***- Thời gian, không gian: thường được biểu diễn vào ban đêm ,trên một con thuyền rồng, giữa dòng sông Hương.- Nghe và nhìn trực tiếp các ca công, ca nhi ngồi, đứng trên thuyền rồng biểu diễn.***d. Tình cảm của tác giả*** - Tình yêu, niềm tự hào về một sản phẩm văn hóa dân tộc của quê hương: thái độ nâng niu, trân trọng và ý thức gìn giữ, tôn vinh những di sản tinh thần quý giá của dân tộc.III. Tổng kết1. Nghệ thuật- Văn bản sử dụng các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận 🡪 giúp người đọc hiểu nguồn gốc, đặc điểm, cách biểu diễn và thưởng thức của ca Huế, thể hiện được tình cảm, thái độ của người viết và nhấn mạnh vị trí, ý nghĩa của ca Huế.**2. Nội dung**- Văn bản nói về cố đô Huế nổi tiếng không phải chỉ có các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình. Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa – âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Nội dung chính của văn bản “Ca Huế trên sông Hương” là gì?

A. Ca ngợi vẻ đẹp của phong cảnh Huế

B. Ca ngợi vẻ đẹp của một hình thức sinh hoạt văn hóa ở cố đô Huế

C. Ca ngợi vẻ đẹp của những cô gái Huế

D. Ca ngợi vẻ đẹp của những danh lam thắng cảnh ở cố đô Huế

**Câu 2:** Ca Huế được hình thành từ đâu?

A. Nhạc dân gian

B. Nhạc cung đình

C. Nhạc thính phòng

D. Cả A và B

**Câu 3:** Đêm ca Huế diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ lúc thành phố lên đèn đến lúc trăng lên.

B. Từ lúc thành phố lên đèn đến đêm khuya.

C. Từ lúc thành phố lên đèn đến lúc gà gáy sáng.

D. Từ lúc trăng lên đến sáng.

**Câu 4:** Dòng nào nói **đúng nhất** những nguyên nhân tạo nên nét độc đáo của đêm ca Huế trên sông Hương -?

A. Du khách được ngồi trên thuyền rồng, được nghe và ngắm nhìn các ca công từ trang phục đến cách chơi đàn đến những ngón đàn trau chuốt và điêu luyện.

B. Quang cảnh sông nước đẹp, huyền ảo, thơ mộng.

C. Những làn điệu dân ca Huế phong phú và đa dạng, giàu cung bậc tình cảm, cảm xúc.

D. Kết hợp cả 3 nội dung trên.

**Câu 5:** Danh thắng nào của Huế **không** được nhắc tới trong văn bản ?

A. Chùa Thiên Mụ

B. Tháp Phước Duyên

C. Thôn Vĩ Dạ

D. Sông Hương

- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Đáp án: 1B; 2D; 3D; 4D; 5C

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy nêu những hiểu biết của mình về một sản phẩm văn hóa truyền thống của quê hương em.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sưu tầm.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học**

**(bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS viết được bài văn có cấu tạo 3 phần: mở bài, thân bài và kết bài, số lượng câu đúng quy định.

- Nắm được cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn phân tích một tác phẩm văn học

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Sau khi học và phân tích một bài thơ Đường luật, chúng ta cần lưu ý những điều gì về hình thức và nội dung?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong phần Viết của bài học này, em được học cách phân tích viết một bài văn về một tác phẩm văn học về bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc phần Yêu cầu (SGK trang 48) và trả lời câu hỏi:  *Nêu những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe câu hỏi và trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học**- Mở bài: giới thiệu khái quát bài thơ: nhan đề, tác giả,...và nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.- Thân bài:+ Có thể nêu đề tài, thể thơ hoặc ý nghĩa nhan đề bài thơ.+ Phân tích được nội dung của bài thơ: đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người, mạch cảm xúc tâm trạng của chủ thể trữ tình, tư tưởng, tâm hồn của tác giả.+ Phân tích được những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt; nghệ thuật tả cảnh, tả tình, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ hàm súc, hình ảnh giàu sức gợi, các biện pháp tu từ thường xuất hiện trong thơ cổ: điệp từ, ẩn dụ, đối,...)- Kết bài: khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc và phân tích bài văn tham khảo: Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương.- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, trao đổi về những vấn đề sau:*+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu khái quát giá trị của tác phẩm.**+ Phân tích nội dung cơ của bài thơ.**+ Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.**+ Khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Phân tích bài văn tham khảo**- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, giá trị của tác phẩm:+ Trần Tế Xương được xếp vào hàng những cây bút trào phúng xuất sắc nhất của nền văn học dân tộc. Ông cũng là một nhà thơ trữ tình giàu cảm hứng nhân đạo và lòng yêu nước. Tú Xương còn là tác giả có nhiều cách tân táo bạo đối với thể loại thơ Nôm Đường luật.+ Thương vợ là một trong những bài thơ Nôm nổi tiếng nhất của ông.- Nội dung chính: Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.- Nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ:+ Nhà thơ đã sử dụng một cách linh hoạt và điêu luyện các yếu tố đặc trưng của thể loại: sự hòa phối thanh điệu, kết cấu chặt chẽ, tính cô đọng, hàm súc,… + Đồng thời, bài thơ mang đến những cách tân độc đáo ở nhiều bình diện: đề tài, thi liệu, ý tứ, đặc biệt là ngôn ngữ thơ.- Vị trí, ý nghĩa của bài thơ:+ Bài thơ Thương vợ là tác phẩm tiêu biểu cho giá trị tư tưởng và nghệ thuật của thơ Tú Xương. Tác giả đặt ra nhiều vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn.+ Bài thơ vẫn khơi lên ở người đọc hôm nay sự đồng cảm, vẫn có giá trị bồi đắp những tình cảm đẹp đẽ, sâu sắc. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS: viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)- GV hướng dẫn HS thực hiện các bước theo yêu cầu (SGK, trang 51):***Xác định mục đích viết và người đọc***- GV yêu cầu HS dựa vào SGK để xác định: + Mục đích viết: khám phá cái hay, cái đẹp của bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật.+ Người đọc: có nhu cầu tìm hiểu về thơ Đường luật hoặc về bài thơ để phân tích.***Lựa chọn bài thơ để phân tích***+ GV yêu cầu HS lựa chọn một bài thơ theo quan điểm cá nhân, đáp ứng yêu cầu về thể loại: thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật.+ GV gợi ý sử dụng những bài thơ đã học: Thu điếu, Thiên Trường vãn vọng.***Tìm ý***- HS có thể làm việc cá nhân và trao đổi theo cặp để góp ý cho nhau.***Lập dàn ý*****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để viết bài văn.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện đoạn văn.**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 ghi lên bảng. | **3. Thực hành viết theo các bước**- Xác định mục đích viết và người đọc.- Lựa chọn bài thơ.- Tìm ý.- Lập dàn ý:+ Mở bài: giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ, nêu ý kiến chung về bài thơ.+ Thân bài:\*Phân tích đặc điểm nội dung:* Phân tích hình tượng thơ
* Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ
* Khái quát chủ đề của bài thơ

\*Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật* Phân tích cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật.
* Phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình.
* Phân tích nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

+ Kết bài: khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. |

**Hoạt động 4:** **Viết bài**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết bài

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

 **c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu để viết bài văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ- GV nhắc nhở HS dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một bài văn hoàn chỉnh, lưu ý:+ Đoạn văn cần có đầy đủ ba phần: mở bài, thân bài và kết bài.+ Khi viết, cần bám sát dàn ý đã lập, sử dụng các hình thức trích dẫn, kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá.+ Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc, diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết.+ Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để viết bài. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- Học sinh hòa thành bài thơ của mình đọc trước lớp.**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 ghi lên bảng. | **4. Viết bài** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành viết bài và chỉnh sửa, hoàn thiện bài văn.

**b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Sau khi HS đã hoàn thành, GV yêu cầu HS đọc lại thật kĩ lại bài văn và đối chiếu bài thơ vừa làm với các tiêu chí trong SGK:

+ Các thông tin về nhan đề bài thơ, tên tác giả, đề tài, thể thơ và giá trị của bài thơ.

+ Các ý chính thể hiện đặc điểm nội dung và một số đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

+ Những nhận xét, đánh giá về vị trí, ý nghĩa của bài thơ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc và hoàn thành phần chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình. Báo cáo kết quả và nộp bài cho giáo viên.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để viết bài văn.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học viết bài văn phân tích tác phẩm văn học.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu: *Em hãy viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật ngoài chương trình học mà em đã đọc và yêu thích.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện viết bài văn theo các bước.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thành bài đoạn văn và đưa giáo viên chấm, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Nói và nghe:**

**Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Với tư cách là người nói, HS biết cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại) sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản hổi từ phía người nghe với tinh thẩn cầu thị.

- Với tư cách là người nghe, HS biết chú ý lắng nghe, ghi chép để nắm đẩy đủ, chính xác các nội dung của bài nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề bạn trình bày.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về một ý kiến xã hội.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng nói và nghe về một vấn đề.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)*

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS dành khoảng 5 phút để tự soát lại nội dung bài nói, những chuẩn bị (tranh ảnh, đoạn phim) đã chuẩn bị ở nhà .

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Đất nước ta có một nền văn hóa phong phú và lâu đời. Bên cạnh những di sản chung, mỗi miền đất đều có những di sản văn hóa riêng biệt, cần được giữ gìn, phát triển. Trong bài học này, em sẽ có cơ hội trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.

**c. Sản phẩm:** Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đề: *Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội nói về một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại.*- GV yêu cầu HS tìm hiểu mục đích nói và người nghe theo hướng dẫn trong SGK:+ Lựa chọn một sản phẩm văn hóa mà em yêu thích.+ Tìm hiểu về nguồn gốc, đặc điểm, giá trị của sản phẩm văn hóa truyền thống được lựa chọn trong cuộc sống hiện tại.+ Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi.+ Sắp xếp các ý thành một dàn ý: mở đầu, triển khai và kết luận.+ Lựa chọn một số từ ngữ then chốt phù hợp với vấn đề trình bày.- GV yêu cầu HS các nhóm luyện tập**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe yêu cầu, chuẩn bị bài nói.- Các nhóm luyện tập, tự điều chỉnh ngôn ngữ cơ thể, giọng nói, ngữ điệu và trao đổi cùng các bạn trong nhóm.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời đại diện HS trình bày kết quả chuẩn bị của các nhóm.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Chuẩn bị bài nói**- Xác định mục đích nói và người nghe.- Lập dàn ý:+ Mở đầu: giới thiệu tên sản phẩm văn hóa truyền thống và nêu khái quát ý kiến của em về sản phẩm văn hóa đó trong cuộc sống hiện tại.+ Triển khai:* Nêu ngắn gọn một số thông tin cơ bản về sản phẩm văn hóa truyền thống.
* Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về sản phẩm văn hóa truyền thống.
* Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và điều chỉnh ngữ điệu nói cho phù hợp.

+ Kết luận: khẳng định ý nghĩa của sản phẩm văn hóa truyền thống đối với cuộc sống hiện tại. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp

 **c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu tóm tắt văn bản để phân tích bài tham khảo.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS đọc các yêu cầu khi trình bày bài nói trong SGK, trang 54.- GV cho HS trình bày làm việc cặp đôi để thực hành bài nói, góp ý cho nhau.- GV yêu cầu HS trình bày trước lớp. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS luyện tập bài nói.**Bước 3: Báo cáo kết quả, trao đổi thảo luận**- HS trình bày kết quả trước lớp, GV yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung và hoàn thiện bảng kiểm theo phiếu dưới đây**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **2. Trình bày bài nói** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các nội dung nhận xét** | **Các yêu cầu** | **Có** | **Không** |
| Nội dung bài nói | Giới thiệu chung vế vấn đề |  |  |
| Nêu những suy nghĩ về các khía cạnh khác nhau của vấn đề |  |  |
| Khái quát lại suy nghĩ về vấn đề |  |  |
| Hình thức trình bày | Tốc độ nói vừa phải |  |  |
| Âm lượng vừa đủ |  |  |
| Giọng nói truyền cảm |  |  |
| Cử chì, dáng điệu đúng mực |  |  |
| Tương tác với người nghe phù hợp |  |  |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được tiêu chí đánh giá bài nói và đưa ra được nhận xét về bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng phiếu đánh giá theo tiêu chí để đánh giá bài nói của bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành phiếu đánh giá theo tiêu chí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá bài nói của mình và đánh giá bài nói của bạn về nội dung và hình thức trình bày với hai tư cách: người nói và người nghe.+ Trao đổi về bài nói: GV hướng dẫn HS sử dụng phiếu nhận xét (mẫu trên) trong quá trình theo dõi bài nói của bạn để góp ý.+ Trao đồi về góp ý của người nghe: * *Phát biểu của bạn có chứng tỏ bạn nắm được nội dung bài trình bày không?*
* *Em đồng ý hay không đồng ý với nhận xét, góp ý của bạn về bài nói? Vì sao?*

- GV tiếp đặt câu hỏi:*+ Điều gì trong phần trình bày của bạn khiến em yêu thích hay có ấn tượng nhất?* *+ Em học tập được gì qua phần trình bày của bạn?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe yêu cầu, thực hiện nhận xét bài nói và đánh giá vào phiếu.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**- GV mời đại diện HS trình bày nhận xét và thảo luận về những ý kiến đóng góp**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **3. Trao đổi bài nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành bài tập.

**b. Nội dung:** HS trao đổi và sửa lại bài viết theo nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói được chỉnh sửa

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS chữa lại bài viết theo góp ý, nhận xét của GV và các nhóm.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài nói của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại văn bản trình bày một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: Em rút ra kinh nghiệm cho những bài nói và nghe tiếp theo?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện kiểm tra lại bài làm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời, GV yêu cầu cả lớp lắng nghe.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Củng cố, mở rộng trang 55**

**Thực hành đọc: Qua Đèo Ngang**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nắm được nội dung, nghệ thuật của các văn bản đã học trong chủ đề.

- Vận dụng kiến thức đã học về thể loại thơ Đường luật để thực hành đọc.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập.

- Năng lực tiếp thu tri thức để tìm hiểu bài Thực hành đọc.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS có thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Củng cố, mở rộng và thực hành đọc.*

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Hãy kể tên các văn bản em đã được học trong *bài 2: Vẻ đẹp cổ điển.*

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

- GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học hôm nay chúng ta cùng củng cố lại kiến thức các văn bản đã học trong Bài 2. Vẻ đẹp cổ điển và cùng tìm hiểu văn bản Thực hành đọc của Bà Huyện Thanh Quan về bài thơ Qua Đèo Ngang.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố, mở rộng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS xem lại các bài tập đã hoàn thành ở nhà:*+ Bài 1: Đại diện các nhóm trình bày theo bảng:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Nhịp | Đối |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |

*+ Bài 2: Đại diện các nhóm trình bày theo bảng:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Nhịp |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |

*+ Bài 3: Chọn một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật để phân tích theo 3 mục a,b,c.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời một số HS trình bày, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **1. Củng cố, mở rộng****Bài 1:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Luật bằng trắc** | **Niêm** | **Vần** | **Nhịp** | **Đối** |
| **1** | -B-T-B- | B | veo | 4/3 |  |
| **2** | -T-B-T- | T | leo | 4/3 |  |
| **3** | -T-B-T- | T | - | 4/3 | Đối |
| **4** | -B-T-B- | B | vèo | 4/3 | Đối |
| **5** | -B-T-B- | B | - | 4/3 | Đối |
| **6** | -T-B-T- | T | teo | 4/3 | Đối |
| **7** | -T-B-T- | T | - | 2/2/3 |  |
| **8** | -B-T-B- | B | bèo | 4/3 |  |

**Bài 2:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Luật bằng trắc** | **Niêm** | **Vần** | **Nhịp** | **Đối** |
| **1** | -T-B-T- | T | yên | 4/3 |  |
| **2** | -B-T-B- | B | biên | 4/3 | Đối |
| **3** | -B-T-B- | B | -  | 4/3 | Đối |
| **4** | -T-B-T- | T | điền | 4/3 |  |

**Bài 3:**Bài thơ “Bạn tới chơi nhà” – Nguyễn Khuyến:Đã bấy lâu nay bác tới nhà.Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.Ao sâu nước cả, khôn chài cá,Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.Cải chửa ra cây, cà mới nụ,Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.Đầu trò tiếp khách, trầu không có,Bác đến chơi đây ta với ta.a. - Về niêm: Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3 (thời – sâu), câu 4 và câu 5 (rộng – chửa), câu 6 và câu 7 (vừa – trò), câu 1 và câu 8 (bấy – đến) cùng thanh.- Về luật: Luật trắc- Về đối: câu 3 và câu 4, câu 5 và câu 6b. 3 phần- Phần 1( 6 câu đầu): Giới thiệu tình huống bạn đến chơi- Phần 2( 6 câu tiếp): Hoàn cảnh gia đình khi bạn đến chơi- Phần 3( Câu cuối): Khẳng định tình bạn chân thànhc. - Chủ đề: Ngợi ca tình bạn chân thành thắm thiết, đậm đà, mộc mạc và tràn đầy niềm vui dân dã của tác giả.- Đặc sắc nghệ thuật: + Tạo tình huống bất ngờ, thú vị+ Giọng thơ chất phác, hồn nhiên, ẩn sau câu chữ là ánh mắt lấp lánh cùng nụ cười hồn hậu, ấm áp, chân tình của nhà thơ+ Sự kết hợp nhuần nhuyễn, tinh tế giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ bác học. |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc: Qua Đèo Ngang**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin chính về văn bản Qua Đèo Ngang.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức về những vấn đề được đặt trong bài thơ.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc văn bản, vận dụng các kiến thức về thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật để tìm hiểu văn bản:*+ Đề tài và các yếu tố thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.**+ Các yếu tố thời gian, không gian, âm thanh, sự vật được tác giả sử dụng để miêu tả bức tranh thiên nhiên.**+ Cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ.**+ Tác dụng của các từ tượng hình, từ tượng thanh và biện pháp tu từ đảo ngữ.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe yêu cầu, trả lời câu hỏi.**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- GV mời một số HS trình bày, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **2. Thực hành đọc: Qua Đèo Ngang**- Đề tài: Thiên nhiên và quê hương đất nước- Thể thơ: Thất ngôn bát cú- Bố cục: + Phần 1 (hai câu đề): Cái nhìn chung về cảnh vật Đèo Ngang+ Phần 2 (hai câu thực): Cuộc sống của con người ở Đèo Ngang+ Phần 3 (hai câu luận): Tâm trạng của tác giả+ Phần 3 (hai câu kết): Nỗi cô đơn đến tột cùng của tác giả- Các yếu tố thời gian, không gian, âm thanh, sự vật được tác giả sử dụng để miêu tả bức tranh thiên nhiên:+ Thời gian: bóng xế tà (buổi chiều tà)+ Không gian: Đèo Ngang+ Âm thanh: con quốc quốc, cái gia gia+ Sự vật: Cỏ cây chen đá, lá chen hoa, chú tiều, chợ bên sông, con quốc quốc, cái gia gia, trời, non, nước.- Cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ:+ Tâm trạng nhớ nước, nhớ nhà, nhớ quê hương của tác giả. Đó cũng chính là tâm trạng hoài cổ của nữ sĩ.+ Tâm trạng cô đơn, trống vắng, lẻ loi một mình đối diện với chính mình giữa vũ trụ bao la, rộng lớn.- Tác dụng của các từ tượng hình, từ tượng thanh và biện pháp tu từ đảo ngữ:+ Từ tượng hình: lom khom, lác đác+ Từ tượng thanh: quốc quốc, gia gia=> Tác dụng: + Nhà thơ muốn nhấn mạnh vào sự nhỏ bé của con người trước thiên nhiên rộng lớn. Con người chỉ nằm là một chấm buồn lặng lẽ giữa một thiên nhiên rộng lớn. Thiên nhiên mới là trung tâm trong bức tranh đèo Ngang.+ Bộc lộ nỗi lòng nhớ thương của mình với đất nước, quê hương. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về Bài 2.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Trình bày cảm nhận của em về một bài thơ em yêu thích nhất đã được học trong bài 2.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Theo em, làm thế nào để bảo tồn, phát triển những di sản văn hóa, sản phẩm văn hóa truyền thống của đất nước ta?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trả lời, GV yêu cầu cả lớp lắng nghe.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*